

Châu Đốc, Ngày 24 tháng 12 năm 2024

DANH SÁCH
ĐIỂM THI VÀ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CUỐI KHÓA "CẤP CỨU TIM NGỪNG THỞ" NĂM 2024

*Đối tượng: Bác sĩ Đa khoa trở lên, điều dưỡng cao đẳng trở lên

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
1	Nguyễn Ngọc Túy	08/09/1979	Nam	BS.CK2	Phòng KHTH	6	Đạt
2	Nguyễn Huy Cường	16/06/1984	Nam	BS.CK1	Phòng KHTH	10	Đạt
3	Võ Anh Kiệt	25/12/1990	Nam	Bác sĩ	Phòng KHTH	10	Đạt
4	Nguyễn Kim Xuyên	05/09/1999	Nữ	Bác sĩ	Phòng QLCL-CĐT	9.4	Đạt
5	Đoàn Thị Trúc Đào	06/06/1989	Nữ	BS.CK1	Khoa Cấp Cứu	10	Đạt
6	Dương Văn Phước	06/11/1983	Nam	BS.CK1	Khoa Cấp Cứu	9	Đạt
7	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	16/01/1994	Nữ	BS.CK1	Khoa Cấp Cứu	9.4	Đạt
8	Nguyễn Thị Tố Như	06/05/1994	Nữ	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	9.7	Đạt
9	Nguyễn Trường Nam	09/04/1995	Nam	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	8.7	Đạt
10	Trần Lê Mỹ Huyền	04/07/1995	Nữ	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	9.7	Đạt
11	Nguyễn Ngọc Thúy Vi	17/03/1994	Nữ	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	10	Đạt
12	Hồ Thị Ngọc Thảo	08/02/1996	Nữ	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	10	Đạt
13	Lê Quang Thạch	01/04/1987	Nam	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	10	Đạt
14	Lê Thị Thảo Quyên	10/10/1992	Nữ	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	10	Đạt
15	Phan Thị Bích Lụa	12/05/1996	Nữ	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	8.4	Đạt
16	Trần Thị Kiều	20/10/1979	Nữ	CNDD	Khoa Cấp Cứu	10	Đạt
17	Trần Thị Diễm Thúy	15/07/1989	Nữ	CNDD	Khoa Cấp Cứu	9.4	Đạt
18	Trần Kim Thoa	06/01/1994	Nữ	CNDD	Khoa Cấp Cứu	8.7	Đạt
19	Trương Minh Trí	10/02/1988	Nam	CNDD	Khoa Cấp Cứu	9	Đạt
20	Trần Thị Phương	09/05/1988	Nữ	CNDD	Khoa Cấp Cứu	9.7	Đạt
21	Trần Thanh Thế	07/02/1992	Nam	CNDD	Khoa Cấp Cứu	9.7	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
22	Đỗ Thị Kim Cương	06/03/1994	Nữ	CĐDD	Khoa Cấp Cứu	9	Đạt
23	Nguyễn Ngọc Anh Thư	09/05/1992	Nữ	CNDD	Khoa Cấp Cứu	10	Đạt
24	Đỗ Thị Phi Yến	24/02/2001	Nữ	CNDD	Khoa Cấp Cứu	9.4	Đạt
25	Huỳnh Thị Kim Ngân	09/03/1988	Nữ	CNDD	Khoa Cấp Cứu	10	Đạt
26	Trần Thị Kim Phụng	13/05/1990	Nữ	CNDD	Khoa Cấp Cứu	10	Đạt
27	Nguyễn Thị Cẩm Tú	12/08/1986	Nữ	CNDD	Khoa Cấp Cứu	9.4	Đạt
28	Lâm Sơn Hồng Ngự	12/06/1985	Nam	CNDD	Khoa Cấp Cứu	10	Đạt
29	Lê Thị Tường Tâm	14/04/1982	Nữ	CNDD	Khoa Cấp Cứu	9.7	Đạt
30	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/07/2001	Nữ	CNDD	Khoa Cấp Cứu	9.7	Đạt
31	Nguyễn Anh Duy	04/04/2000	Nam	CĐDD	Khoa Cấp Cứu	V	Không đạt
32	Thiều Văn Thiện	18/06/1983	Nam	BSCKI	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	9.4	Đạt
33	Hồ Xuân Hồng	18/12/1983	Nữ	CNDD	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	9.7	Đạt
34	Võ Tịnh Lành	10/10/1973	Nam	Bác sĩ	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	9.7	Đạt
35	Trần Minh Đạt	19/03/1997	Nam	Bác sĩ	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	9	Đạt
36	Bùi Thanh Nhã	14/06/1998	Nam	Bác sĩ	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	9.7	Đạt
37	Trần Ngọc Thùy Dương	28/04/1995	Nữ	Bác sĩ	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	9.7	Đạt
38	Nguyễn Minh Ngọc	27/06/1991	Nữ	Bác sĩ	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	10	Đạt
39	Lê Thị Diễm Thúy	05/04/1996	Nữ	Bác sĩ	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	10	Đạt
40	Phạm Thị Thanh Danh	24/09/1994	Nữ	Bác sĩ	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	10	Đạt
41	Nguyễn Tấn Phát	08/10/1991	Nam	CĐDD	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	V	Không đạt
42	Trần Thị Ca	12/12/1989	Nữ	CNDD	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	9	Đạt
43	Phạm Thị Mỹ An	13/10/1992	Nữ	CNDD	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	9	Đạt
44	Nguyễn Thị Huyền	01/07/1980	Nữ	CNDD	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	9.7	Đạt
45	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/08/1994	Nữ	CĐDD	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	9	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
46	Lưu Tịnh Nghi	30/05/1997	Nữ	CĐDD	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	9.7	Đạt
47	Huỳnh Thị Loan	09/09/1992	Nữ	CĐDD	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	8.4	Đạt
48	Nguyễn Gia Lượng	25/04/2002	Nam	CĐDD	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	9.7	Đạt
49	Võ Trần Như Mai	16/12/2001	Nữ	CĐDD	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	9.4	Đạt
50	Lê Thúy Oanh	28/02/1975	Nữ	BS.CK2	Khoa Dinh Dưỡng	9.4	Đạt
51	La Thị Kim Đông	09/11/1987	Nữ	CNDD	Khoa Dinh Dưỡng	10	Đạt
52	Trương Thị Thu Sương	04/03/1985	Nữ	CNDD	Khoa Dinh Dưỡng	9.7	Đạt
53	Hồ Minh Châu	12/09/1983	Nam	BSCCKII	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	10	Đạt
54	Trần Bửu Thọ	24/03/1966	Nam	BSCCKI	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	V	Không đạt
55	Nguyễn Hoàng Tấn	04/12/1988	Nam	BSCCKI	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	10	Đạt
56	Mou Sa	30/10/1979	Nam	Bác sĩ	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.7	Đạt
57	Trần Thị Thùy Dương	29/10/1997	Nữ	Bác sĩ	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	10	Đạt
58	Nguyễn Huỳnh Tuyết Mai	06/04/1999	Nữ	Bác sĩ	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	10	Đạt
59	Trần Nhân Quyền	22/05/1991	Nam	Bác sĩ	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.7	Đạt
60	Nguyễn Thanh Nghị	07/06/1995	Nam	Bác sĩ	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.7	Đạt
61	Nguyễn Cao Minh	05/07/1995	Nam	Bác sĩ	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	10	Đạt
62	Nguyễn Văn Thật	14/04/1997	Nam	Bác sĩ	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	8.4	Đạt
63	Lê Anh Thư	18/03/1998	Nữ	Bác sĩ	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	10	Đạt
64	Hà Thị Ngọc Uyển	28/08/1984	Nữ	CNDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9	Đạt
65	Phạm Thị Bảo Khuyên	09/09/1993	Nữ	CĐDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.7	Đạt
66	Ngô Phương Thanh	10/12/1981	Nam	CNDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.7	Đạt
67	Trịnh Thị Thùy Tiên	20/05/1994	Nữ	CNDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	10	Đạt
68	Huỳnh Thị Ngọc Mai	03/02/1989	Nữ	CĐDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.4	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
69	Huỳnh Hồng Ngọc	03/10/1988	Nữ	CNDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.7	Đạt
70	Huỳnh Thị Thu Trang	15/08/1990	Nữ	CĐDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	10	Đạt
71	Lý Thanh Nhi	12/08/1997	Nữ	CNDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	10	Đạt
72	Nguyễn Thị Thu Vân	30/04/1991	Nữ	CNDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	10	Đạt
73	Đặng Văn Nghiên	01/01/1983	Nam	CNDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.4	Đạt
74	Phan Thị Sáu	15/01/1988	Nữ	CNDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	10	Đạt
75	Trần Thị Hà Châu	19/02/1986	Nữ	CNDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.7	Đạt
76	Hồ Lê Hồng	22/10/1989	Nam	CĐDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.7	Đạt
77	Cao Thanh Huy	25/02/1995	Nam	CNDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.4	Đạt
78	Phạm Thị Ngọc Thơ	06/07/1991	Nữ	CNDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.7	Đạt
79	Trần Bửu Danh	23/03/1993	Nam	CĐDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.7	Đạt
80	Lê Thị Viên	09/07/1997	Nữ	CĐDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	10	Đạt
81	Nguyễn Anh Thư	26/05/2002	Nữ	CĐDD	Khoa Hồi Sức Tích Cực - Chống Độc	9.7	Đạt
82	Chung Cẩm Hạnh	12/12/1968	Nữ	Thạc sĩ Y	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
83	Nguyễn Thụy Minh Linh	22/07/1981	Nữ	BS.CK1	Khoa Khám Bệnh	9.4	Đạt
84	Rô Ha Ny	01/01/1984	Nữ	Bác sĩ	Khoa Khám Bệnh	9	Đạt
85	Nguyễn Nữ Yến Nhi	14/10/1993	Nữ	Bác sĩ	Khoa Khám Bệnh	9	Đạt
86	Nguyễn Văn Phạm	26/12/1966	Nam	BS.CK2	Khoa Khám Bệnh	9.4	Đạt
87	Ngô Thị Kim Loan	06/03/1973	Nữ	Thạc sĩ Y	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
88	Lâm Lê Minh Luân	18/10/1996	Nam	Bác sĩ	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
89	Trần Thị Huỳnh Như	20/04/1999	Nữ	Bác sĩ	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
90	Lê Trí Dũng	05/03/1965	Nam	Bác sĩ	Khoa Khám Bệnh	7	Đạt
91	Nguyễn Thúy Linh	14/11/2000	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	7.7	Đạt
92	Trần Thị Cẩm Tiên	22/09/2001	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	9.4	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
93	Lê Thị Ngọc Linh	06/12/1990	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
94	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	17/03/1987	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
95	Nguyễn Thị Lợi	19/12/1985	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
96	Nguyễn Xuân Thế	26/06/1985	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
97	Néang Kim Phương	18/08/1993	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
98	Nguyễn Thị Thanh Thanh	16/04/2001	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
99	Huỳnh Thị yến Nhi	13/10/1999	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
100	Nguyễn An Thư	04/10/2001	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	9	Đạt
101	Lý Hồng Khanh	24/02/1983	Nam	ĐD	Khoa Khám Bệnh	9.7	Đạt
102	Nguyễn Thị Mai Khanh	08/04/1988	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	9.4	Đạt
103	Nguyễn Thị Xuân	13/02/1988	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
104	Nguyễn Thị Chúc	15/07/1989	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	9.7	Đạt
105	Phạm Thị Mỹ Loan	17/07/1985	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	9.4	Đạt
106	Đỗ Thị Giếng	14/12/1969	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	9	Đạt
107	Cao Thị Kim Sa	27/08/1985	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	9.7	Đạt
108	Nguyễn Thành Phúc	04/04/1982	Nam	ĐD	Khoa Khám Bệnh	8.7	Đạt
109	Huỳnh Thị Thúy Phượng	20/01/1987	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	9.7	Đạt
110	Võ Thị Kim Hoàng	07/02/1989	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
111	Nguyễn Thị Phương Thảo	23/04/1989	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
112	Lâm Tú Uyên	01/07/1983	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
113	Võ Thị Thúy Kiều	04/08/1993	Nữ	ĐD	Khoa Khám Bệnh	10	Đạt
114	Trần Quốc Thắng	01/05/1966	Nam	BS.CK1	Khoa Lao	9	Đạt
115	Huỳnh Thị Thúy Oanh	29/10/1984	Nữ	BS.CK1	Khoa Lao	9.4	Đạt
116	Nguyễn Văn Triệu	04/08/1983	Nam	CNĐD	Khoa Lao	9	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
117	Nguyễn Minh Tâm	15/03/1987	Nam	CNĐĐ	Khoa Lao	8.4	Đạt
118	Nguyễn Thanh Xuân	01/01/1983	Nam	CNĐĐ	Khoa Lao	9.4	Đạt
119	Nguyễn Võ Kỳ Anh	24/08/1995	Nam	BS ĐK	Khoa Lao	10	Đạt
120	Nguyễn Phước Lộc	06/03/1993	Nam	BS ĐK	Khoa Lao	10	Đạt
121	Huỳnh Thị Diệu Hiền	15/01/1990	Nữ	Bác Sĩ	Khoa Lao	9.7	Đạt
122	Nguyễn Văn Khan	07/12/1986	Nam	CNĐĐ	Khoa Lao	9.7	Đạt
123	Nguyễn Phát Đạt	12/04/2001	Nam	CĐĐĐ	Khoa Lao	10	Đạt
124	Nguyễn Thị Thom	01/01/1975	Nữ	CĐĐĐ	Khoa Lao	9.7	Đạt
125	Lê Thành Thanh Vũ	11/09/1977	Nam	BS.CK1	Khoa Mắt	9.7	Đạt
126	Lý Thanh In	19/09/1973	Nam	BS.CK1	Khoa Mắt	7	Đạt
127	Đoàn Thảo Vy	24/12/1997	Nữ	Bác sĩ	Khoa Mắt	9.7	Đạt
128	Tăng Phương Tùng	01/01/1986	Nam	CNĐĐ	Khoa Mắt	9.7	Đạt
129	Võ Thị Kim Nền	01/01/1984	Nữ	CNĐĐ	Khoa Mắt	9.7	Đạt
130	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	14/05/1990	Nữ	CNĐĐ	Khoa Mắt	10	Đạt
131	Nghiêm Lý Ái Ngọc	11/09/1992	Nữ	CĐĐĐ	Khoa Mắt	10	Đạt
132	Nguyễn Phước Tài	29/07/1996	Nam	CĐĐĐ	Khoa Mắt	V	Không đạt
133	Nguyễn Thị Kim Thoa	1987	Nữ	CNĐĐ	Khoa Mắt	9.4	Đạt
134	Võ Dương Triều	25/08/1992	Nam	BS.CK1	Khoa Nội Soi	10	Đạt
135	Lê Hữu Thọ	26/03/1993	Nam	Bác sĩ	Khoa Nội Soi	V	Không đạt
136	La Siêu Dinh	08/10/1995	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Soi	10	Đạt
137	Phạm Minh Tiến	15/05/2000	Nam	Bác sĩ	Khoa Nội Soi	9.7	Đạt
138	Hứa Thị Kim Phao	28/07/1985	Nữ	CNĐĐ	Khoa Nội Soi	10	Đạt
139	Phan Khắc Giang	24/09/1993	Nam	CNĐĐ	Khoa Nội Soi	10	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
140	Trần Hữu Hạnh	21/02/1994	Nam	CĐDD	Khoa Nội Soi	9	Đạt
141	Nguyễn Hoàng Nam	22/05/1994	Nam	CĐDD	Khoa Nội Soi	V	Không đạt
142	Phan Thị Diễm Hương	16/03/1993	Nữ	CĐDD	Khoa Nội Soi	9.4	Đạt
143	Dương Minh Trí	11/04/1985	Nam	BS.CK1	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	9.7	Đạt
144	Nguyễn Văn Tuấn	20/06/1969	Nam	BS.CK1	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	V	Không đạt
145	Phạm Thị Thùy Dung	17/11/1995	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
146	Trần Thị Kim Huệ	15/11/1992	Nữ	BS.CK1	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
147	Nguyễn Thị Bé Trúc	17/04/1998	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
148	Huỳnh Nhật Quang	13/12/1998	Nam	Bác sĩ	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
149	Lê Thị Bảo Nhiều	27/10/1998	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
150	Lê Thị Ngọc Châu	20/02/1997	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
151	Nguyễn Hoài Nam	27/03/1997	Nam	Bác sĩ	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
152	Nguyễn Thị Ngọc Dung	18/12/1997	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
153	Trần Thị Mộng Tuyền	07/09/1990	Nữ	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
154	Nguyễn Thị Loan	24/03/1991	Nữ	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	9.7	Đạt
155	Nguyễn Dương Thiện Ân	21/09/1998	Nữ	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	V	Không đạt
156	Nguyễn Thị Như Ý	16/09/1996	Nữ	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
157	Nguyễn Thành Danh	10/10/1994	Nam	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
158	Nguyễn Thị Ven	10/08/1990	Nữ	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	9.7	Đạt
159	Đào Mỹ Hiền	23/03/1982	Nữ	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	9.4	Đạt
160	Bùi Công Minh	10/11/1982	Nam	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	9.4	Đạt
161	Lê Thị Cẩm Loan	08/01/1986	Nữ	CĐDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
162	Nguyễn Thị Lan Anh	09/10/2000	Nữ	CĐDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	9.7	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
163	Cao Ngọc Tường Vy	11/11/2002	Nữ	CĐDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
164	Nguyễn Thị Lộc	16/10/1998	Nữ	CĐDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
165	Trần Thị Diễm	01/10/1990	Nữ	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	9.7	Đạt
166	Phạm Thị Phượng	25/05/1977	Nữ	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	V	Không đạt
167	Hồng Thanh Tú	02/06/1993	Nam	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
168	Võ Thị Xuân Loan	16/09/1981	Nữ	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	10	Đạt
169	Phạm Thu Thảo	29/09/1992	Nữ	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	9.7	Đạt
170	Đoàn Thị Thu Thảo	01/01/1993	Nữ	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	9.7	Đạt
171	Lê Thị Phương Thảo	02/01/1986	Nữ	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	9.7	Đạt
172	Hồ Thị Mỹ Xuyên	04/04/1988	Nữ	CNDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	V	Không đạt
173	Nguyễn Trung Vĩnh	14/02/2002	Nam	CĐDD	Khoa Nội Tim Mạch - Lão Học	9.4	Đạt
174	Huỳnh Thanh Phong	05/03/1978	Nam	BS.CK1	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
175	Đặng Thị Thúy	03/01/1985	Nữ	BS.CK1	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
176	Lữ Quý Hưng	17/01/1994	Nam	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	9.4	Đạt
177	Phạm Thị Tuyết	04/02/1973	Nữ	BS.CK1	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
178	Trần Quang Khởi	06/06/1993	Nam	BS.CK1	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
179	Nguyễn Kim Sen	20/10/1992	Nữ	BS.CK1	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
180	Võ Nhật Hiền	25/09/1987	Nam	BS.CK1	Khoa Nội Tổng Hợp	V	Không đạt
181	Hứa Thị Hạnh	15/04/1993	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
182	La Phước Hải	11/10/1995	Nam	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
183	Lương Minh Châu	21/02/1997	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
184	Bùi Thị Kim Phượng	16/06/1996	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
185	Đặng Thị Cẩm Tiên	28/06/1997	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
186	Lê Phạm Ngọc Huyền	04/08/1996	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
187	Lê Thị Thùy Trang	15/02/1990	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
188	Nguyễn Ngọc Phương Trang	01/01/1995	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
189	Nguyễn Thị Trúc Phương	24/07/1997	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
190	Phạm Thị Cẩm Tiên	20/03/1997	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
191	Trần Thị Bích Tuyền	20/02/1991	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
192	Nguyễn Thị Hồng Nhung	19/03/1994	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
193	Lê Thị Bích Ngọc	24/12/1988	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.4	Đạt
194	Châu Phước Thọ	19/06/1985	Nam	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
195	Huỳnh Thị Diễm Trang	26/07/1993	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	8.7	Đạt
196	Lê Thị Kim Yến	10/09/2002	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
197	Hồ Ngô Quốc Thái	21/04/2001	Nam	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
198	Nguyễn Thị Tường Vân	24/04/1988	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
199	Lê Thị Ngọc Hân	24/07/1993	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
200	Trương Vũ Trâm Trâm	18/05/1996	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
201	Trần Công Danh	26/02/1999	Nam	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
202	Nguyễn Minh Thu	28/07/1993	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
203	Nguyễn Hoài Linh	17/03/1989	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
204	Huỳnh Kim Hoàng	30/03/1988	Nam	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	8.4	Đạt
205	Nguyễn Thị Trúc Linh	06/06/1991	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	V	Không đạt
206	Mai Kiều Nhân	01/10/1994	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
207	Nguyễn Thị Kim Tuyền	06/02/1993	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
208	Nguyễn Thị Thanh Loan	26/08/1984	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
209	Huỳnh Thị kim Ngân	25/06/1987	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.4	Đạt
210	Nguyễn Thị Hồng Gấm	17/08/1991	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
211	Trần Thị Diễm Châu	24/04/1982	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
212	Phạm Thị Thùy Linh	18/11/1997	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.4	Đạt
213	Trần Thị Ngọc Tuyên	11/07/2001	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
214	Lê thị Trúc Nhân	24/04/1989	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
215	Phạm Trần Tiến	07/03/1996	Nam	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
216	Nguyễn Thị Minh Thư	12/05/1999	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	V	Không đạt
217	Trương Thị Thúy An	12/08/1990	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.3	Đạt
218	Đỗ Thanh Lập	19/10/1989	Nam	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
219	Huỳnh Thị Ngọc Nhi	02/05/2001	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	8.4	Đạt
220	Phạm Thị Như Yến	21/08/1994	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
221	Vũ Thị Tiên	11/09/1983	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	V	Không đạt
222	Hồ Thị Thùy Trang	19/06/1987	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	9.7	Đạt
223	Lê Thị Kim Loan	09/07/1999	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
224	Lương Thị Nam Phương	19/11/1996	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
225	Trần Thị Ngọc Tiên	30/05/1983	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	V	Không đạt
226	Lê Thị Mỹ Duyên	22/12/1988	Nữ	ĐD	Khoa Nội Tổng Hợp	10	Đạt
227	Nguyễn Văn Vui	26/11/1967	Nam	BS.CK2	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	9.4	Đạt
228	Bùi Ngọc Thuận	12/01/1995	Nam	Bác sĩ	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	9.4	Đạt
229	Nguyễn Văn An	24/08/1996	Nam	Bác sĩ	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	9.4	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
230	Đình Hoàng Tùng	11/09/1984	Nam	ThĐD	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	10	Đạt
231	Tăng Thái Phong	22/01/1982	Nam	CNĐD	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	7.4	Đạt
232	Đỗ Thanh Điền	09/09/1987	Nam	CNĐD	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	10	Đạt
233	Dương Văn Khôn	01/03/1991	Nam	CNĐD	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	10	Đạt
234	Đào Thanh Sơn	28/02/1997	Nam	CĐĐD	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	9.4	Đạt
235	Nguyễn Thanh Hùng	22/12/1985	Nam	BS.CK1	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	9.4	Đạt
236	Lê Nguyễn Nhật Duy	06/10/1995	Nam	Bác sĩ	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	10	Đạt
237	Phạm Thành Đức	06/09/1977	Nam	BS.CK1	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	9.4	Đạt
238	Phạm Phú Phúc	03/06/1987	Nam	Bác sĩ	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	10	Đạt
239	Đỗ Thị Kiều Tiên	20/03/1986	Nữ	CNĐD	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	9.7	Đạt
240	Hứa Thị Kim Phêu	20/06/1984	Nữ	CNĐD	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	9.7	Đạt
241	Trần Thị Trinh	30/01/1989	Nữ	CNĐD	Khoa Ngoại Chấn Thương Chính Hình - Bông	10	Đạt
242	Nguyễn Thanh Long	09/06/1969	Nam	BS.CK2	Ngoại Tiết niệu- Nhi	9.7	Đạt
243	Võ Vĩnh Hòa	10/10/1979	Nam	BS.CK1	Ngoại Tiết niệu- Nhi	10	Đạt
244	Cao Dương Hoàng	05/06/1995	Nam	Bác sĩ	Ngoại Tiết niệu- Nhi	10	Đạt
245	Hoàng Thị Hải Yến	25/11/1985	Nữ	ĐD	Ngoại Tiết niệu- Nhi	8.7	Đạt
246	Nguyễn Ngọc Thanh	20/10/1976	Nam	ĐD	Ngoại Tiết niệu- Nhi	9	Đạt
247	Đặng Kiều Sang	16/11/1969	Nữ	ĐD	Ngoại Tiết niệu- Nhi	9.7	Đạt
248	Phạm Chí Đại	04/02/1993	Nam	Bác sĩ	Ngoại Tiết niệu- Nhi	10	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
249	Phạm Tuấn Anh	05/02/1997	Nam	Bác sĩ	Ngoại Tiết niệu- Nhi	9.7	Đạt
250	Lý Thái Thành	24/07/1998	Nam	Bác sĩ	Ngoại Tiết niệu- Nhi	10	Đạt
251	Võ Thị Huỳnh Hương	04/01/1983	Nữ	ĐD	Ngoại Tiết niệu- Nhi	9.4	Đạt
252	Đinh Trần Thanh Tuyền	26/11/1998	Nữ	ĐD	Ngoại Tiết niệu- Nhi	9.7	Đạt
253	Nguyễn Thị Diễm Thúy	06/01/1986	Nữ	ĐD	Ngoại Tiết niệu- Nhi	7.4	Đạt
254	Nguyễn Ngọc Thúy Huỳnh	22/11/1994	Nữ	ĐD	Ngoại Tiết niệu- Nhi	9.7	Đạt
255	Trần Thị Kim Ba	31/01/1990	Nữ	ĐD	Ngoại Tiết niệu- Nhi	9.4	Đạt
256	Nguyễn Phan Hữu Trí	12/05/1988	Nam	ĐD	Ngoại Tiết niệu- Nhi	9.4	Đạt
257	Đặng Minh Triết	21/06/1964	Nam	BS.CK2	Khoa Ngoại Tổng Hợp	V	Không đạt
258	Nguyễn Hữu Tuấn	11/03/1985	Nam	BS.CK1	Khoa Ngoại Tổng Hợp	V	Không đạt
259	Chau Đô	06/11/1992	Nam	BS.CK1	Khoa Ngoại Tổng Hợp	9.7	Đạt
260	Nguyễn Thanh Cao	10/07/1975	Nam	BS.CK1	Khoa Ngoại Tổng Hợp	V	Không đạt
261	Đinh Tấn Bình	06/01/1992	Nam	Bác sĩ	Khoa Ngoại Tổng Hợp	9.7	Đạt
262	Phạm Hùng	02/10/1999	Nam	Bác sĩ	Khoa Ngoại Tổng Hợp	10	Đạt
263	Trần Phúc Sang	27/12/1997	Nam	Bác sĩ	Khoa Ngoại Tổng Hợp	10	Đạt
264	Võ Huy Cường	08/10/1996	Nam	Bác sĩ	Khoa Ngoại Tổng Hợp	10	Đạt
265	Võ Thùy Trang	07/07/1996	Nữ	Bác sĩ	Khoa Ngoại Tổng Hợp	10	Đạt
266	Phan Văn Sậu	29/11/1978	Nữ	ĐD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	V	Không đạt
267	Nguyễn Thị Cao	09/10/1986	Nữ	CĐDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	9.7	Đạt
268	Lê Hải Minh	08/10/1994	Nữ	CĐDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	9.4	Đạt
269	Nguyễn Thị Thanh Thuận	17/01/2001	Nữ	CĐDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	9	Đạt
270	Huỳnh Hữu Phúc	27/02/1984	Nam	CĐDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	10	Đạt
271	Hồ Kim Thoa	21/02/2000	Nữ	CĐDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	8.7	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
272	Võ Ngọc Dương	05/05/2000	Nam	CĐDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	V	Không đạt
273	Thái Lê Tân	25/10/1994	Nam	CĐDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	10	Đạt
274	Nguyễn Văn Đức	19/11/1997	Nam	CĐDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	9.4	Đạt
275	Neáng Ma ly	08/08/1995	Nữ	CĐDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	9.7	Đạt
276	Nguyễn Thị Kim Trinh	10/05/1991	Nữ	CNDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	10	Đạt
277	Nguyễn Tân Hòa	29/03/1992	Nam	CĐDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	V	Không đạt
278	Nguyễn Hữu Âm	25/06/2001	Nam	CĐDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	9.4	Đạt
279	Nguyễn Thị Nương	16/12/1974	Nữ	CNDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	10	Đạt
280	Trần Thị Kim Nhung	17/05/1998	Nữ	CĐDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	9.4	Đạt
281	Neáng Chanh Thi	01/01/1996	Nữ	CNDD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	9.7	Đạt
282	Trần Thị Kim Quyên	11/11/1993	Nữ	ĐD	Khoa Ngoại Tổng Hợp	9.7	Đạt
283	Hồ Hữu Nghĩa	20/06/1993	Nam	BS.CK1	Khoa Ngoại Thần Kinh - Lồng Ngực	9.4	Đạt
284	Chau Sao Rết	04/04/1993	Nam	Bác sĩ	Khoa Ngoại Thần Kinh - Lồng Ngực	9.7	Đạt
285	Chau Thi	01/01/1991	Nam	Bác sĩ	Khoa Ngoại Thần Kinh - Lồng Ngực	7.7	Đạt
286	Lý Thanh Tùng	07/09/1997	Nam	Bác sĩ	Khoa Ngoại Thần Kinh - Lồng Ngực	7	Đạt
287	Ngô Hoàng Vĩ	10/02/1999	Nam	Bác sĩ	Khoa Ngoại Thần Kinh - Lồng Ngực	V	Không đạt
288	Võ Thị Phường	12/08/1988	Nữ	CNDD	Khoa Ngoại Thần Kinh - Lồng Ngực	10	Đạt
289	Đoàn Nhứt Linh Em	06/12/2001	Nam	CĐDD	Khoa Ngoại Thần Kinh - Lồng Ngực	10	Đạt
290	Nguyễn Thị Diệu	09/08/1988	Nữ	ĐD	Khoa Ngoại Thần Kinh - Lồng Ngực	9.5	Đạt
291	Phạm Thị Châu	10/10/1993	Nữ	ĐD	Khoa Ngoại Thần Kinh - Lồng Ngực	10	Đạt
292	Trần Thị Tú Quyên	26/03/1992	Nữ	CĐDD	Khoa Ngoại Thần Kinh - Lồng Ngực	10	Đạt
293	Trần Văn Toàn	12/08/1986	Nam	CNDD	Khoa Ngoại Thần Kinh - Lồng Ngực	9.4	Đạt
294	Ngô Thị Xanh	19/04/1993	Nữ	CĐDD	Khoa Ngoại Thần Kinh - Lồng Ngực	9	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
295	Tổng Thị Ngọc Dung	16/03/1973	Nữ	BS.CK1	Khoa Nhi	9.3	Đạt
296	Phạm Huyền Loan	24/02/1984	Nữ	BS.CK1	Khoa Nhi	10	Đạt
297	Đặng Đức Trí	16/09/1985	Nam	BS.CK2	Khoa Nhi	9.7	Đạt
298	Huỳnh Thị Kiều Phương	12/08/1970	Nữ	BS.CK1	Khoa Nhi	10	Đạt
299	Nguyễn Phú Duy	26/01/1977	Nam	BS.CK1	Khoa Nhi	9.7	Đạt
300	Lê Thị Thu Thảo	13/04/1992	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nhi	9.7	Đạt
301	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	06/10/1993	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nhi	9.4	Đạt
302	Cao Hoàng Trân	19/10/1995	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nhi	10	Đạt
303	Nguyễn Lâm Khánh Phụng	26/06/1999	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nhi	10	Đạt
304	Salê Mohamad	12/03/1994	Nam	Bác sĩ	Khoa Nhi	10	Đạt
305	Nguyễn Thị Trà My	27/12/1998	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nhi	10	Đạt
306	Nguyễn SONY	24/03/1996	Nam	Bác sĩ	Khoa Nhi	10	Đạt
307	Phạm Thị Hồng Ngọc	09/11/1994	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nhi	10	Đạt
308	Lư Thị Thanh Thanh	25/05/1993	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nhi	10	Đạt
309	Nguyễn Trí Thành	02/03/2000	Nam	Bác sĩ	Khoa Nhi	10	Đạt
310	Nguyễn Vũ Hồng Ngọc	03/06/1996	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nhi	10	Đạt
311	La Kim Sáng	25/10/1987	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	7.7	Đạt
312	Lý Thị Bích Tuyền	20/01/1989	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	9.4	Đạt
313	Lương Thị Cẩm Gương	08/08/1988	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
314	Nguyễn Thị Chi	1978	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	V	Không đạt
315	Nguyễn Thị Hồng Diễm	1978	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	8.7	Đạt
316	Đỗ Như Thúy	1987	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	8.7	Đạt
317	Trần Thị Tuyết Hồng	1983	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	V	Không đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
318	Lê Văn Thắng	1990	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	V	Không đạt
319	Bùi Thị Diễm Hương	1996	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
320	Phan Thị Hồng Ngọc	1980	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	9.7	Đạt
321	Lê Vũ Phương Trúc	1993	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	V	Không đạt
322	Nguyễn Thị Kiều Trinh	20/06/1997	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
323	Trần Thị Tú	1983	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
324	Huỳnh Mộng Việt Thanh	1976	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
325	Néang Nâu	1990	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
326	Trần Thị Kim Hai	1986	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	9.7	Đạt
327	Dương Thúy Trúc	1976	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
328	Huỳnh Thị Ngọc Bích	1982	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
329	Dương Thị Xuân Nghi	1985	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
330	Mai Ngọc Ngân	1995	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
331	Nguyễn Thị Mỹ Ánh	1990	Nữ	CNDD	Khoa Nhi	10	Đạt
332	Nguyễn Lý Mộng Kha	1996	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
333	Nguyễn Hồng Hải	1986	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	V	Không đạt
334	Đoàn Hoàng Luân	1999	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	9.7	Đạt
335	Nguyễn Thị Huỳnh Nga	1986	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
336	Nguyễn Lâm Hải	1981	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
337	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	1984	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt
338	Nguyễn Chí Nam	1994	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	9	Đạt
339	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	1986	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	9.4	Đạt
340	Đặng Như Huỳnh	2002	Nữ	CĐDD	Khoa Nhi	10	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
341	Nguyễn Hữu Duy	1985	Nữ	CNDD	Khoa Nhi	9	Đạt
342	Tăng Văn Dũng	02/05/1966	Nam	BS.CK1	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9.4	Đạt
343	Lê Thanh Hùng	10/02/1981	Nam	BS.CK1	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9.7	Đạt
344	Phạm Kỳ Quốc	03/12/1992	Nam	Bác sĩ	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	10	Đạt
345	Nguyễn Hoàng Lâm	27/04/1995	Nam	Bác sĩ	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	10	Đạt
346	Nguyễn Trần Kim Tuệ	29/01/1996	Nữ	Bác sĩ	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	10	Đạt
347	Phạm Thị Cẩm Dung	13/06/1984	Nữ	CNGM	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9.7	Đạt
348	Thái Quang Hưng	02/10/1984	Nam	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9.7	Đạt
349	Lý Hoàng Thái	17/07/1988	Nam	CNGM	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9.7	Đạt
350	Nguyễn Minh Tân	05/07/1989	Nam	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9	Đạt
351	Võ Thị Kim Huyền	16/02/1991	Nữ	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9.7	Đạt
352	Trần Thị Thúy Phượng	19/01/1986	Nữ	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9	Đạt
353	Trần Văn Kiệt	08/12/1990	Nam	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9.7	Đạt
354	Nguyễn Tấn Lợi	24/10/1996	Nam	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9.4	Đạt
355	Phan Ngọc Dung	27/12/1983	Nữ	CNGM	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9.7	Đạt
356	Dương Ngọc Thảo	25/11/1985	Nữ	CNGM	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9.4	Đạt
357	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10/03/1993	Nữ	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	10	Đạt
358	Hồ Thị Kim Ngân	04/12/1996	Nữ	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9	Đạt
359	Phạm Phương Loan	18/03/1992	Nữ	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9	Đạt
360	Hồ Văn Vẹn	01/01/1994	Nam	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9.4	Đạt
361	Phạm Thị Kim Pha	01/01/1985	Nữ	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	9.4	Đạt
362	Nguyễn Thị Kim Chi	09/04/1987	Nữ	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	V	Không đạt
363	Nguyễn Trường Dinh	19/11/1996	Nam	ĐD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Súc	10	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
364	Lê Thị Thi	01/01/1984	Nữ	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Sức	10	Đạt
365	Phạm Anh Kiệt	30/12/1998	Nam	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Sức	10	Đạt
366	Nguyễn Văn Tâm	16/06/1986	Nam	CNGM	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Sức	10	Đạt
367	Trần Thúy Hằng	09/07/1994	Nữ	CĐDD	Khoa Phẫu Thuật -Gây Mê Hồi Sức	8.7	Đạt
368	Phạm Hồng Loan	09/06/1978	Nữ	BS.CK2	Khoa Phụ Sản	10	Đạt
369	Nguyễn Thị Bích Liên	20/12/1981	Nữ	BS.CK1	Khoa Phụ Sản	10	Đạt
370	Phạm Phước Vinh	06/07/1981	Nam	BS.CK2	Khoa Phụ Sản	8.7	Đạt
371	Kho Ti Chah	01/12/1989	Nữ	Bác sĩ	Khoa Phụ Sản	8.7	Đạt
372	Lê Tuấn Trung	10/12/1993	Nam	Bác sĩ	Khoa Phụ Sản	9.4	Đạt
373	Nguyễn Ngọc Thảo	24/11/1976	Nữ	BS.CK1	Khoa Phụ Sản	10	Đạt
374	Phạm Bích Loan	13/09/1986	Nữ	BS.CK1	Khoa Phụ Sản	9.4	Đạt
375	Bùi Thị Thùy Trang	22/09/1995	Nữ	Bác sĩ	Khoa Phụ Sản	10	Đạt
376	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	22/06/1997	Nữ	Bác sĩ	Khoa Phụ Sản	V	Không đạt
377	Thái Văn Anh	10/05/1998	Nữ	Bác sĩ	Khoa Phụ Sản	10	Đạt
378	Trần Minh Thư	25/10/1999	Nữ	Bác sĩ	Khoa Phụ Sản	10	Đạt
379	Trương Ngọc Tú Trinh	15/10/1984	Nữ	ĐD.CK1	Khoa Phụ Sản	10	Đạt
380	Nguyễn Thị Bích Thủy	19/04/1983	Nữ	BS.CK1	Khoa Răng Hàm Mặt	10	Đạt
381	Nguyễn Thùy Dương	05/12/1987	Nữ	BS.CK1	Khoa Răng Hàm Mặt	10	Đạt
382	Nghiêm Hồng Phương	27/04/1985	Nam	BS.CK1	Khoa Răng Hàm Mặt	9.7	Đạt
383	Trần Thị Lệ Thu	18/12/1985	Nữ	CNDD	Khoa Răng Hàm Mặt	9.7	Đạt
384	Huỳnh Thị Như Thủy	04/09/1983	Nữ	CNDD	Khoa Răng Hàm Mặt	9	Đạt
385	Huỳnh Trần Huế Linh	12/02/1988	Nam	CNDD	Khoa Răng Hàm Mặt	V	Không đạt
386	Phạm Dân Nguyên	30/10/1965	Nam	BS.CK1	Khoa Tai Mũi Họng	9.4	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
387	Lâm Trọng Nhân	26/03/1993	Nam	BS.CK1	Khoa Tai Mũi Họng	10	Đạt
388	Nguyễn Thị Mai Sương	07/07/1989	Nữ	BS.CK1	Khoa Tai Mũi Họng	10	Đạt
389	Phạm Hồng Hạnh	26/10/1999	Nữ	Bác sĩ	Khoa Tai Mũi Họng	10	Đạt
390	Trần Thị Trúc Mai	28/9/1983	Nữ	ĐDT	Khoa Tai Mũi Họng	10	Đạt
391	Nguyễn Thị Bảo Yến	24/3/1988	Nữ	ĐD	Khoa Tai Mũi Họng	9.4	Đạt
392	Nguyễn Thị Hạnh Duyên	17/12/2001	Nữ	ĐD	Khoa Tai Mũi Họng	10	Đạt
393	Nguyễn Thị Kim Thoa	08/04/1996	Nữ	ĐD	Khoa Tai Mũi Họng	9.7	Đạt
394	Hà Minh Đức	10/06/1977	Nam	Bác Sĩ	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	V	Không đạt
395	Huỳnh Thị Miên	25/09/1995	Nữ	Bác Sĩ	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	10	Đạt
396	Ngô Huỳnh Đắc Thắng	10/09/1993	Nam	Bác Sĩ	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	9.4	Đạt
397	Nguyễn Hữu Khánh	20/07/1995	Nam	Bác Sĩ	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	10	Đạt
398	Hồ Nhật Tân	09/10/1995	Nam	Bác Sĩ	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	10	Đạt
399	Nguyễn Vũ Trọng Nhân	27/09/1994	Nam	Bác Sĩ	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	10	Đạt
400	Võ Thanh Tâm	06/01/1996	Nam	Bác Sĩ	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	10	Đạt
401	Trần Lâm Thùy Tiên	11/08/1995	Nữ	Bác Sĩ	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	9.7	Đạt
402	Nguyễn Thị Bích	10/01/1988	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	10	Đạt
403	Dương Thị Thu Trang	16/11/1992	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	10	Đạt
404	Đặng Phi Hùng	17/02/1994	Nam	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	V	Không đạt
405	Huỳnh Thanh Long	27/08/1992	Nam	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	9.4	Đạt
406	Lê Thanh Phong	15/08/1994	Nam	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	9.7	Đạt
407	Lê Thị Diễm Sương	06/01/1995	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	10	Đạt
408	Lê Thị Phúc	05/06/1994	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	9.4	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
409	Lý Hoài Phước Nguyên	05/01/1994	Nam	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	8.7	Đạt
410	Nguyễn Lâm Thảo Vy	01/09/1994	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	9.4	Đạt
411	Nguyễn Thị Bé Tư	01/01/1986	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	7.4	Đạt
412	Nguyễn Thị Hào	05/02/1994	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	10	Đạt
413	Nguyễn Thị Thu Thảo	21/04/1994	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	10	Đạt
414	Trần Hoàng Mi	24/09/1994	Nam	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	7.7	Đạt
415	Trần Thị Diễm Hương	23/12/1994	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	9.7	Đạt
416	Trần Thị Kim Ngọc	02/07/1996	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	9.7	Đạt
417	Trần Thị Thu Hương	17/11/1995	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	10	Đạt
418	Trần Thị Thúy An	29/09/1991	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	10	Đạt
419	Trịnh Ngọc Sang	01/01/1991	Nam	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	V	Không đạt
420	Nguyễn Phương Thanh	24/09/1996	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	V	Không đạt
421	Võ Thị Thảo Nguyên	09/06/1996	Nữ	ĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	9.7	Đạt
422	Nguyễn Thị Kim Anh	1998	Nữ	CĐĐD	Khoa Tim Mạch Can Thiệp - Đột Quy	10	Đạt
423	Nguyễn Thị Bích Thủy	23/01/1979	Nữ	BS.CK2	Khoa Thận Nhân Tạo	10	Đạt
424	Huỳnh Thị Ngọc Thúy	20/06/1994	Nữ	Bác sĩ	Khoa Thận Nhân Tạo	10	Đạt
425	Lê Huỳnh Mai	22/12/1998	Nữ	Bác sĩ	Khoa Thận Nhân Tạo	10	Đạt
426	Hem Oanh Nét	16/07/1995	Nam	Bác sĩ	Khoa Thận Nhân Tạo	10	Đạt
427	Huỳnh Thị Phương Trúc	24/11/1999	Nữ	Bác sĩ	Khoa Thận Nhân Tạo	10	Đạt
428	Nguyễn Thị Mỹ Tuyên	13/08/1996	Nữ	Bác sĩ	Khoa Thận Nhân Tạo	10	Đạt
429	Trần Đỗ Quốc Vương	13/08/1995	Nam	Bác sĩ	Khoa Thận Nhân Tạo	Đạt	Đạt
430	Đỗ Thị Diễm Ngọc	19/09/1991	Nữ	CNĐD	Khoa Thận Nhân Tạo	9.7	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
431	Phan Thị Ý	22/09/1990	Nữ	CNĐĐ	Khoa Thận Nhân Tạo	10	Đạt
432	Đặng Duy Linh	30/10/1988	Nam	CNĐĐ	Khoa Thận Nhân Tạo	9.4	Đạt
433	Ah Mad Sarifa	06/10/1990	Nữ	CĐĐĐ	Khoa Thận Nhân Tạo	10	Đạt
434	Trần Thị Thúy Kiều	19/03/1992	Nữ	CNĐĐ	Khoa Thận Nhân Tạo	10	Đạt
435	Trần Thị Bích Tuyền	20/04/1991	Nữ	CĐĐĐ	Khoa Thận Nhân Tạo	10	Đạt
436	Lê Thị Cẩm Quyên	18/03/1992	Nữ	CĐĐĐ	Khoa Thận Nhân Tạo	9.7	Đạt
437	Trần Trung Tín	20/07/1989	Nam	CĐĐĐ	Khoa Thận Nhân Tạo	10	Đạt
438	Võ Thị Minh Trang	25/09/1976	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nhiễm	9.7	Đạt
439	Nguyễn Trần Minh Phương	03/01/1984	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nhiễm	10	Đạt
440	Lê Thị Thu Ngân	09/08/1993	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nhiễm	9.7	Đạt
441	Nguyễn Lê Kiều Phương	30/11/1995	Nữ	Bác sĩ	Khoa Nhiễm	10	Đạt
442	Nguyễn Xuân Tiến	03/11/1996	Nam	Bác sĩ	Khoa Nhiễm	10	Đạt
443	Nguyễn Nhật Hào	08/10/1996	Nam	Bác sĩ	Khoa Nhiễm	9.7	Đạt
444	Cao Thị Hợp	01/01/1984	Nữ	CKI.ĐĐ	Khoa Nhiễm	9.7	Đạt
445	Võ Thị Diễm	01/01/1982	Nữ	CNĐĐ	Khoa Nhiễm	9	Đạt
446	Lê Thái Hiền	10/01/1986	Nữ	CNĐĐ	Khoa Nhiễm	10	Đạt
447	Trần Thị Cẩm Thanh	17/12/1988	Nữ	CNĐĐ	Khoa Nhiễm	9.7	Đạt
448	Nguyễn Thị Hằng	16/08/1984	Nữ	CNĐĐ	Khoa Nhiễm	9.7	Đạt
449	Trần Ngọc Diệp	09/02/1998	Nữ	CĐĐĐ	Khoa Nhiễm	10	Đạt
450	Huỳnh Văn Hạnh	14/06/1978	Nam	BS.CKI	Khoa Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng	V	Không đạt
451	Võ Thị Thúy Vy	03/08/1996	Nữ	Bác sĩ	Khoa Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng	10	Đạt
452	Trần Thị Lan Phương	18/05/1987	Nữ	ĐĐ	Khoa Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng	9	Đạt
453	Quách Trường Can	10/08/1981	Nam	BS.CK2	Khoa Y Học Cổ Truyền	10	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Khoa/phòng	Điểm	Được cấp giấy chứng nhận
454	Nguyễn Phan Bảo Ngọc	24/02/1994	Nữ	Bác sĩ	Khoa Y Học Cổ Truyền	9.4	Đạt
455	Âu Nguyễn Khắc Trung	11/08/1995	Nam	Bác sĩ	Khoa Y Học Cổ Truyền	10	Đạt
456	Nguyễn Thị Hồng Điệp	02/08/1980	Nữ	ĐD	Khoa Y Học Cổ Truyền	10	Đạt
457	Nguyễn Chế Linh	19/10/1984	Nam	Bác sĩ	Khoa Xét Nghiệm	10	Đạt
458	Mã Vân Phương	13/11/1996	Nữ	Bác sĩ	Khoa Xét Nghiệm	10	Đạt
459	Nguyễn Trần Ngọc Ngân	05/08/2000	Nữ	Bác sĩ	Khoa Xét Nghiệm	10	Đạt
460	Nguyễn Như Phương	11/03/1970	Nữ	Ths. ĐD	Phòng Điều Dưỡng	V	Không đạt
461	Trần Huỳnh Ngọc	29/12/1987	Nữ	CK1. ĐD	Phòng Điều Dưỡng	V	Không đạt
462	Lý Thuyên Trúc	13/11/1986	Nữ	Ths.QLB V	Phòng Điều Dưỡng	V	Không đạt
463	Nguyễn Nhật Thanh	03/08/1995	Nam	CNDD	Phòng Điều Dưỡng	V	Không đạt
464	Nguyễn Thanh Hồng	1985	Nam	Thạc sĩ	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	9.7	Đạt
465	Dương Thị Kim Khoa	1987	Nữ	CNDD	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	9.4	Đạt
466	Phan Tố Trinh	1985	Nữ	CNDD	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	10	Đạt
467	Nguyễn Thị Loan	1987	Nữ	CNDD	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	10	Đạt
468	La Minh Chánh	1999	Nam	CNDD	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	9.4	Đạt
TỔNG KẾT: - ĐẠT: 429 học viên - KHÔNG ĐẠT: 39 học viên							



GIÁM ĐỐC

BS. CKII. Nguyễn Văn Hưng

